

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TRUYỀN THÔNG DỊCH VỤ LÊ HÙNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TRUYỀN THÔNG DỊCH VỤ LÊ HÙNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108526052

3. Ngày thành lập: 26/11/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 72 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
2.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
3.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá)	4512
4.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
7.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
8.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
9.	Xây dựng công trình điện	4221
10.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
11.	Xây dựng nhà không để ở	4102
12.	Xây dựng nhà để ở	4101
13.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
14.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
15.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
16.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
17.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
18.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
19.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511

20.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
21.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
22.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
23.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý	4610
24.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
25.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
26.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng nguyên liệu, vàng miếng, súng, đạn, tem, tiền kim khí)	4773
27.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
28.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
29.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
30.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
31.	Bán buôn thực phẩm	4632
32.	Bán buôn đồ uống	4633
33.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
34.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
35.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
36.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
37.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
38.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
39.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
40.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
41.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
42.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
43.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
44.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
45.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
46.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
47.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
48.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313

49.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
50.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
51.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
52.	Phá dỡ	4311
53.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
54.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651(Chính)
55.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
56.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
57.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các ngành nghề nhà nước cấm đầu tư kinh doanh theo điều 6 Luật Đầu tư 2014)	4690
58.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
59.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
60.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
61.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ bán lẻ vàng nguyên liệu, vàng miếng, súng, đạn, tem, tiền kim khí, đồ cổ, hoạt động của đấu giá viên)	4789
62.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
63.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
65.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
66.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
67.	Quảng cáo	7310
68.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
69.	Cho thuê xe có động cơ	7710
70.	Đại lý du lịch	7911
71.	Điều hành tua du lịch	7912
72.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
73.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
74.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
75.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
76.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732

